

Philips 6000 series 50PUS6203/12 tivi 127 cm (50") 4K Ultra HD TV
Thông minh Wi-Fi Màu đen

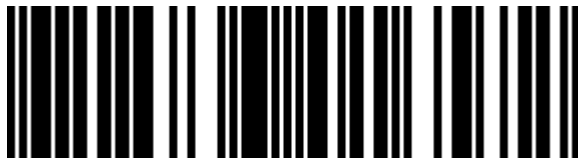
Nhãn hiệu : Philips Họ sản phẩm: 6000 series Mã sản phẩm: 50PUS6203/12
Tên mẫu : 50PUS6203/12



Philips 6000 series 50PUS6203/12. Kích thước màn hình: 127 cm (50"), Độ phân giải màn hình: 3840 x 2160 pixels, Kiểu HD: 4K Ultra HD, Công nghệ hiển thị: LED, Hình dạng màn hình: Phẳng. TV Thông minh. Tỷ lệ khung hình thực: 16:9. Hệ thống định dạng tín hiệu số: DVB-C, DVB-S, DVB-S2, DVB-T, DVB-T2, DVB-T2 HD. Wi-Fi, Kết nối mạng Ethernet / LAN. Màu sắc sản phẩm: Màu đen

Màn hình		Cổng giao tiếp	
Kích thước màn hình *	127 cm (50")	Cổng quang âm thanh kỹ thuật số	1
Kiểu HD *	4K Ultra HD	Đầu ra tai nghe	1
Công nghệ hiển thị *	LED	Số lượng cổng RF	1
Hình dạng màn hình *	Phẳng	Kiểu kết nối RF	IEC
Tỷ lệ khung hình thực *	16:9	Giao diện thông thường *	✗
Điều chỉnh định dạng màn hình	16:9, Zoom	Khe cắm CI+ *	✓
Độ phân giải đồ họa được hỗ trợ	3840 x 2160	Số lượng cổng HDMI *	3
Độ phân giải màn hình *	3840 x 2160 pixels	Kiểm soát Thiết bị điện Người dùng (CEC)	EasyLink
Kích thước màn hình (theo hệ mét)	126 cm		
Bộ chuyển kênh TV		Tính năng quản lý	
Loại bộ điều chỉnh *	Analog & số	Hướng dẫn chương trình điện tử (EPG)	✓
Hệ thống định dạng tín hiệu analog *	NTSC, PAL, SECAM	Tắt tiếng hình ảnh (dành cho radio)	✓
Hệ thống định dạng tín hiệu số *	DVB-C, DVB-S, DVB-S2, DVB-T, DVB-T2, DVB-T2 HD	Hẹn giờ Bật/Tắt	✓
		Phần sụn có thể nâng cấp được	✓
Ti vi thông minh		Firmware có thể nâng cấp thông qua	Auto upgrade wizard, Network, USB
TV Thông minh *	✓		
Tivi internet *	✓		
TV Truyền hình Lai Ghép (HbbTV)	✓		
Âm thanh		Điện	
Số lượng loa *	2	Tiêu thụ năng lượng *	62 W
Công suất định mức RMS *	16 W	Tiêu thụ năng lượng (chế độ chờ) *	0,3 W
		Tiêu thụ năng lượng (tắt máy)	0,3 W
hệ thống mạng		Điện áp AC đầu vào	220 - 240 V
Wi-Fi *	✓	Tần số AC đầu vào	50 - 60 Hz
Kết nối mạng Ethernet / LAN *	✓		
Giao thức Miracast	✓		
Thiết kế		Điều kiện hoạt động	
Màu sắc sản phẩm *	Màu đen	Nhiệt độ cho phép khi vận hành (T-T)	5 - 35 °C
Giá treo VESA *	✓		
Tương thích với hệ thống giá gắn trên tường VESA	200 x 200 mm		
Công tắc bật/tắt	✓		
Chỉ thị báo cường độ tín hiệu	✓		
Không có kim loại nặng	Hg (thủy ngân), Pb (chì)		
Khối lượng thủy ngân	0 mg		
Hiệu suất		Technical details	
Công nghệ dải tương phản động mở rộng (HDR)	High Dynamic Range (HDR) 1500, High Dynamic Range 10+ (HDR10 Plus)	HDCP 2.2	✓
		Số lượng cổng CVBS	1
		Hỗ trợ HEVC	✓
		Trọng lượng & Kích thước	
		Chiều rộng (với giá đỡ)	1127,5 mm
		Chiều sâu (với giá đỡ)	241,4 mm
		Chiều cao (với giá đỡ)	679 mm
		Trọng lượng (với bộ đỡ)	12,4 kg
		Chiều rộng (không có giá đỡ)	1127,5 mm
		Độ sâu (không có giá đỡ)	85,9 mm
		Chiều cao (không có giá đỡ)	655,3 mm
		Khối lượng (không có giá đỡ)	11,2 kg

Hiệu suất		Thông số đóng gói	
Chức năng teletext	✓	Hướng dẫn khởi động nhanh	✓
Dịch vụ điện toán cung cấp tin tức và các thông tin khác trên màn hình ti vi cho người thuê	1000 trang	Chiều rộng của kiện hàng	1260 mm
Các tiêu chuẩn của teletext	Siêu văn bản	Chiều sâu của kiện hàng	150 mm
Hỗ trợ định dạng video	AVI, H.264, HEVC, MKV, MPEG1, MPEG2, MPEG4, VP9, WMV9	Trọng lượng thùng hàng	17,6 kg
Hỗ trợ định dạng âm thanh	AAC, MP3, WAV, WMA, WMA-PRO	Kiểu đóng gói	Vỏ hộp
Hỗ trợ định dạng hình ảnh	BMP, GIF, JPEG, PNG	Nội dung đóng gói	
Định dạng phụ để được hỗ trợ	ASS, SMI, SRT, SUB, TXT	Giá đỡ màn hình nền	✓
Hỗ trợ HDR *	✓	Kèm dây cáp	Dòng điện xoay chiều
Số lõi bộ xử lý	4	Điều khiển từ xa của thiết bị cầm tay (handheld)	✓
Ghi âm USB	✓	Các đặc điểm khác	
Cổng giao tiếp		Hỗ trợ 3D	✗
Kênh Âm thanh Phản hồi (ARC)	✓	Bao gồm pin	✓
Mobile High-Definition Link (MHL)	✓	Loại pin	AAA
HDCP	✓	Gắn kèm (các) loa	✓
Đầu vào máy tính (D-Sub) *	✗	Năng lượng tiêu thụ hàng năm	91 kWh
Cổng DVI	✗	Nâng cao ảnh	Micro Dimming, Pixel Precise Ultra HD, Ultra Resolution, 800 PPI
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1	nâng cao âm thanh	Incredible Surround, Clear Sound, Auto Volume Leveller, Smart Sound
Số lượng cổng USB 2.0 *	2	Kích thước hộp (Rộng x Sâu x Cao)	1240 x 150 x 800 mm
Thành phần video (YPbPr/YCbCr) vào	1	Có dây dẫn chính	✓
Đầu vào video bản tổng hợp	1	Số lượng cổng USB	2
Đầu vào âm thanh (Trái, Phải)	1	Cấp hiệu quả năng lượng (cũ)	A+



8718863016572

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.